

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/04/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P3+P2	7:25	4+18	0+0		0+22	0+0	
2		P2+RP3+RC5	7:25	8+14	0+0		4+17+1	0+0	1 NG NHÀ XL MAT THEM
3		P1+P4+TD5	9:25	2+20+0	0+0+0		0+16+6	0+0+0	RC5

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: P3 - P2	CREW: VThắng - HTrung - HIẾU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRUONG THE VINH	P3	16-17	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THE HANH	P3	20	1	14		68	KH-THAC	Vietnamese
3	LE BA HOA	P3	15	1	18		72	KH-THAC	Vietnamese
4	VU VAN LINH	P3	18-19	2	14		70	KH-THAC	Vietnamese
5	VU TRAN TRUNG	P2	47	1	11		74	CODIEN	Vietnamese
6	DANG TIEN TOAN	P2	48-49	2	14		73	CODIEN	Vietnamese
7	OKOVANTSEV GENNADY	P2	61	1	15		115	KHI	Russian
8	NGUYEN VAN NAM	P2	62-63	2	18		78	KHI	Vietnamese
9	VO VAN QUYEN	P2	64	1	3		68	KHI	Vietnamese
10	TRAN SON TOAN	P2	59	1	5		73	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN DUC LAM	P2	58	1	5		75	KHI	Vietnamese
12	DO VAN TUAN	P2	60	1	3		70	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN CONG HIEN	P2	53	1	5		57	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN THE HUNG	P2	52	1	4		72	KHI	Vietnamese
15	NGO SY THANH	P2	65	1	5		82	KHI	Vietnamese
16	TRAN QUOC HUNG	P2					62	KHI	Vietnamese
17	TRINH VAN CUONG	P2	50	1	5		70	KHI	Vietnamese
18	LE TRUNG LAN	P2	56	1	5		80	KHI	Vietnamese
19	LE THANH TRUNG	P2	54	1	5		65	KHI	Vietnamese
20	PHAM HOANG NGUYEN	P2	51	1	6		64	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN ANH TU	P2	55	1	10		75	KHI	Vietnamese
22	TRAN HUYNH ANH PHONG	P2	57	1	5		71	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	4	6	58	280	0	0		
2	P2	18	19	124	1.324	0	22		
TOTAL		22	25	182	1.604	0	22		
WEIGHT KG				182	1.604	0			

GRAND TOAL: 1.786 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/04/2023	TO: P2 - RP3 - RC5	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hạnh - N.ANH - THỤ	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯỜNG HAI HA	P2	40	1	4		70	KHI	Vietnamese
2	BUI NGỌC HUƠNG	P2	38	1	6		65	KHI	Vietnamese
3	LUƠNG MẠNH DUƠNG	P2	42	1	6		60	KHI	Vietnamese
4	ĐOÀN MẠNH TOÀN	P2	43	1	3		88	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC KHUYỀN	P2	37	1	3		72	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN TAT KHANH	P2	44-45	2	17		66	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH TIỆN	P2	39	1	6		70	PSV	Vietnamese
8	MAI CAO ĐỊNH	P2	41	1	5		60	PSV	Vietnamese
9	DUBOV A.V.	RP3	60	1	5	45	99	KH-THAC	Russian
10	NGUYỄN HIỀN	RP3	67	1	3		84	KH-THAC	Vietnamese
11	KHARITONOV YURY	RP3	59	1	6		75	KHI	Russian
12	PHẠM NGỌC HÙNG	RP3	70	1	5		83	KHI	Vietnamese
13	HÀ VĂN THUY	RP3	61	1	5		70	KHI	Vietnamese
14	PHẠM VĂN KÝ	RP3	58	1	2		67	KHI	Vietnamese
15	HOANG VĂN HAI	RP3	71	1	7		65	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN CÚ	RP3	69	1	4		60	KHI	Vietnamese
17	PHẠM QUỐC KHANH	RP3	66	1	4		85	KHI	Vietnamese
18	VÕ ĐÓN LONG	RP3	65	1	7		75	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN QUANG NAM	RP3	68	1	4		65	KHI	Vietnamese
20	TU NGỌC HAI	RP3	62-64	3	15		74	KHI	Vietnamese
21	TẠ PHI KHANH	RP3	72	1	2		70	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN TUƠNG	RP3					75	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	8	9	50	551	0	4		
2	RP3	14	15	69	1.047	45	17		
3	RC5	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	24	119	1.598	45	22		
WEIGHT KG				119	1.598	45			

GRAND TOAL: 1.762 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/04/2023	TO: P1 - P4 - TD5	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: VThắng - HTrung - HIẾU	ETA: 11:40
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN SƠN	P1	03	1	4		68	CANTI	Vietnamese
2	ĐẶNG VĂN HỘI	P1	02	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN NAM	P4				10	66	KHI	Vietnamese
4	ZAGUDAIEV VITALI	P4	97	1	2	55	78	KHI	Russian
5	ĐOÀN THANH CÔNG	P4	86	1	4		78	KHI	Vietnamese
6	LÊ VĂN HOÀN	P4	82	1	3		67	KHI	Vietnamese
7	LÊ VĂN MẠNH	P4					58	KHI	Vietnamese
8	OVCHRENKO A.H	P4	94	1	5		82	KHI	Russian
9	NGUYỄN HỒNG PHÚC	P4	79	1	5		72	KHI	Vietnamese
10	PHẠM QUỐC DUY	P4	88	1	2		61	KHI	Vietnamese
11	VŨ ĐÌNH CUÔNG	P4	85	1	5		79	KHI	Vietnamese
12	BUI QUANG HUY	P4	80	1	7		100	KHI	Vietnamese
13	TRẦN VĂN PHÚC	P4	93	1	3		70	KHI	Vietnamese
14	DƯƠNG ĐÌNH HIẾN	P4	87	1	2		66	KHI	Vietnamese
15	LÊ QUANG VINH	P4	78	1	5		68	KHI	Vietnamese
16	ĐOÀN VĂN TRÚC	P4	84	1	5		70	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN SĨ TOÀN	P4	89	1	3		75	D-HANH	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG CUÔNG	P4	90	1	5		86	D-HANH	Vietnamese
19	NGUYỄN ANH TUẤN	P4	81	1	5		68	D-HANH	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC ANH TUẤN	P4	83	1	3		75	D-HANH	Vietnamese
21	LÊ TÚ KHA	P4	91-92	2	20		92	XAYLAP	Vietnamese
22	LÊ ANH CUÔNG	P4	95	1	10	15	73	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	2	2	9	138	0	0		
2	P4	20	19	94	1.484	80	16		
3	TD5	0	0	0	0	65	6		
TOTAL		22	21	103	1.622	145	22		
WEIGHT KG				103	1.622	145			

GRAND TOAL: 1.870 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TGTH5 - AMD	CREW: VThắng - Sơn - MQUÂN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VI LUONG THANG	TGTH5					60	HLJOC	Vietnamese
2	VU MINH HUNG	TGTH5					65	HLJOC	Vietnamese
3	CAO VAN CUONG	TGTH5					68	HLJOC	Vietnamese
4	PHAM ANH ĐỨC	TGTH5	47,200	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN NAM TRUNG	AMD	09	1	5		75	HLJOC	Vietnamese
6	NGUYEN DUY LAM	AMD	21	1	5		70	HLJOC	Vietnamese
7	DUONG NHAT QUANG	AMD	15	1	9		65	BAB	Vietnamese
8	NGUYEN ANH DUY	AMD	90	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRINH VAN PHA	AMD	16	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN NGOC PHUC	AMD	94	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN QUANG LONG	AMD	23	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
12	YA LOC	AMD	98-99	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN NAM TRUNG	AMD	22	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI SY QUYEN	AMD	93	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	VU VIET THANG	AMD	11-12	2	7		63	KH-THAC	Vietnamese
16	DUONG CONG TAN	AMD	97	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM TUAN ANH	AMD	17-18	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM TAN ANH ĐỨC	AMD	91-92	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN NGHIA	AMD	19-20	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
20	LE CONG VIET	AMD	10	1	3		67	PSV	Vietnamese
21	LE VAN THIEN	AMD	95-96	2	12		63	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN BINH PHUONG	AMD	13-14	2	10		75	TLJOC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH5	4	2	10	261	0	3		
2	AMD	18	25	126	1,205	0	19		
TOTAL		22	27	136	1,466	0	22		
WEIGHT KG				136	1,466	0			

GRAND TOAL: 1.602 KGS

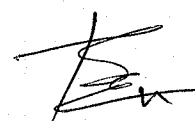
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 02	TO: CTK3 - RC10 - RC4	CREW: LHải - HĐức - ĐANG - VAnh	ETA: 09:40
VANG-1A			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUANG VINH	CTK3	40	1	5		98	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN VAN LINH	CTK3	41	1	5		80	NIPI	Vietnamese
3	BUI DINH PHI	CTK3	44	1	4		68	NIPI	Vietnamese
4	NGUYEN TRONG HIEN	CTK3	47	1	3		64	HVJOC	Vietnamese
5	VU VAN MANH	CTK3					79	KH-THAC	Vietnamese
6	LE DUC TOAN	CTK3	39	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
7	MIKHAILOV EVGENII	CTK3	53	1	3		90	KH-THAC	Russian
8	CAO VAN DAU	CTK3	56	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN DUC HUNG	CTK3	55	1	7		45	KH-THAC	Vietnamese
10	VU XUAN TRUC	CTK3	57	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN DUY ANH	CTK3	45	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
12	DOAN QUANG TUAN	CTK3	49-50	2	12		62	KH-THAC	Vietnamese
13	DO VAN TRI	CTK3	54	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI TIEN DUNG	CTK3	53	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
15	DINH NHO HOANG	CTK3	43	1	8	60	88	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THIEN TOAN	CTK3	46-47	2	7		68	KH-THAC	Vietnamese
17	DAO DUC THANG	CTK3	38	1	14		71	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM NGOC CHIEN	CTK3	52	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HOANG TUNG	CTK3	42	1	13		84	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI VAN BAC	CTK3	48	1	5		48	KH-THAC	Vietnamese
21	TA NGOC THANH	RC4	36-37	2	18		74	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN THANH TAM	RC4	38	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	20	21	118	1.427	60	18		CHUYEN 2 KHACH RC10-RC4 INB: TRAN VIEI ANH(PL)
2	RC10	0	0	0	0	33	0 +2		
3	RC4	2	3	33	144	0	0		
TOTAL		22	24	151	1.571	93	18		
WEIGHT KG				151	1.571	93			

GRAND TOAL: 1.815 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/04/2023	TO: TD5 - P2 - RP3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Linh - MTHAO - Huy	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI QUANG HANH	TD5	09	1	5		57	CODIEN	Vietnamese
2	PHAM NGOC TU	TD5	10	1	5		61	PVCHEM	Vietnamese
3	VU VAN DUC	TD5	13-14	2	9		68	PVCHEM	Vietnamese
4	VU DOAN HUNG	TD5	08	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	VU DINH LOI	TD5	30	1	15		65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN VAN LE	TD5	62	1	9		66	KH-THAC	Vietnamese
7	TRUONG HONG HAI	TD5	49	1	11		79	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN THANH LONG	TD5	15-16	2	12		61	HALLIBUR	Vietnamese
9	NGUYEN DIEN DANG KHOA	TD5	17-18	2	12		88	HALLIBUR	Vietnamese
10	LE CONG TUAN	TD5	11-12	2	8		88	HALLIBUR	Vietnamese
11	PHAN CHI NINH	TD5	31-32	2	15		78	HALLIBUR	Vietnamese
12	VO VAN DUY	TD5	28-29	2	15		75	NIPI	Vietnamese
13	NGUYEN QUOC HIEU	P2	44-45	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO DUC VONG	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THANH TRUNG	P2	46	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THANH THAN	RP3	78-79	2	16		65	XAYLAP	Vietnamese
17	LE CONG NAM	RP3	80	1	15	60	65	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN QUOC CUONG	RP3	76-77	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN VAN BAC	RP3	81	1	12		69	XAYLAP	Vietnamese
20	PHAN VAN HANH	RP3	83-84	2	20		80	XAYLAP	Vietnamese
21	LE XUAN LAP	RP3	82	1	13		67	XAYLAP	Vietnamese
22	TRAN QUANG VIET	RP3	85-86	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

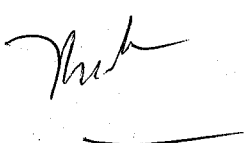
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	12	18	121	861	0	1		
2	P2	3	3	14	199	0	14		
3	RP3	7	11	113	486	60	7		
TOTAL		22	32	248	1.546	60	22		
WEIGHT KG				248	1.546	60			

GRAND TOAL: 1.854 KGS

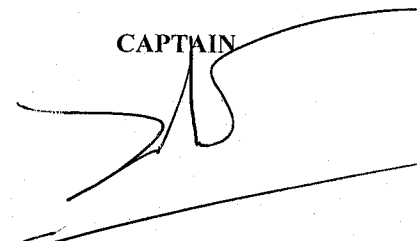
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	TO: P2 - HSD - TGTH5	CREW: VThắng - Sơn - MQUÂN	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN VINH	P2	29	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	P2	42	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	P2	33	1	7		54	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HUY HOANG	P2					91	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH NAM	P2	30	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ XUÂN HÀ	P2	31	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
7	HOÀNG NHẬT QUANG	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN VĂN THẮNG	P2	35	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN DANH TUÂN	P2	32	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
10	DOAN VAN THUAN	P2	43	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC CỬ	P2	36	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
12	NGÔ SÁCH ĐỨC	P2	34	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
13	TÔ QUANG HUY	P2					66	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ SỸ KHOA	P2					77	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ XUÂN MINH	P2	41	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
16	KHUÔNG THANH DƯƠNG	P2	37-38	2	14		69	ANTOAN	Vietnamese
17	ĐỖ CÔNG TIẾN	P2	39-40	2	20		75	ANTOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN BÀ QUÂN	HSD	64-65	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐOÀN THANH MAI	HSD	62	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN PHẠNG	HSD	63	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
21	VÕ TRUNG HIẾU	HSD	61	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐỨC NHA	TGTH5	48-49	2	15		54	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	17	15	89	1.185	0	15		
2	HSD	4	5	33	282	0	4		
3	TGTH5	1	2	15	54	0	3		
TOTAL		22	22	137	1.521	0	22		
WEIGHT KG				137	1.521	0			

GRAND TOAL: 1.658 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/04/2023	TO: BK14 - BK5 - TTC1	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Linh - MTHAO - Huy	ETA: 11:45
cam-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NAM THAI	BK14	36	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ ANH TUÂN	BK14	33	1	3	17	82	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN CỎ	BK14	32	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ THANH HÀ	BK14	34	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT LONG	BK14	35	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM TUÂN LONG	BK14	20-22	3	19		90	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN ĐOÀN ĐOÀN	BK14	16-17	2	19		60	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN BÀ ĐIỆN	BK14	15	1	12		78	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN CUÔNG	BK14	23-24	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	BK14	18-19	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ XUÂN TÙNG	BK14	13-14	2	19		78	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM CÔNG NGHIỆP	BK14	25-26	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH TRUNG	BK14	28-29	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
14	VŨ QUỐC KHAI	BK14	30-31	2	11		70	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC QUANG	BK14	11	1	16		65	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN MẠNH HÀ	BK14	27	1	5		70	NIPI	Vietnamese
17	ĐỖ QUỐC HUY	BK14	12	1	6		75	NIPI	Vietnamese
18	PHẠM NGỌC NINH	BK14	37	1	5		75	PSV	Vietnamese
19	ĐOÀN TRỌNG TƯỜNG	TTC1	32-33	2	16		80	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ THANH HAI	TTC1	34	1	11		66	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ HỒNG CUÔNG	TTC1	29-30	2	19		68	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN VĂN HUY	TTC1	31	1	14		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	18	27	199	1.266	17	17		
2	BK5	0	0	0	0	0	1		
3	TTC1	4	6	60	294	0	3		
TOTAL		22	33	259	1.560	17	21		
WEIGHT KG				259	1.560	17			

GRAND TOAL: 1.836 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/04/2023	TO: BK20 - CTK3 - P6 - TD3	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: HUNG - N.ANH - Tú	ETA: 14:00
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG XUAN HIEU	BK20	29	1	9	24	62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN HIEU TRUNG	BK20	30	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM BA HOANG	CTK3	94-95	2	20	30	70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN PHONG	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN NHAN KHANH	CTK3	40	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN PHUC PHUONG	CTK3	200	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI MINH HAI	CTK3	52	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN VAN CHUYEN	CTK3	39	1	2		50	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN NGOC HIEP	CTK3	44	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN NAM	CTK3	98	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VIET TIEN	CTK3	35,45	2	9		66	KH-THAC	Vietnamese
12	DAO THE HUNG	CTK3	34	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN HOANG LAM	CTK3	99	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG VIET HUNG	CTK3	38	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN KHAC THANG	CTK3	97	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
16	DINH QUANG HOAN	CTK3	96	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN QUANG CHUONG	CTK3	43	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
18	LE NGOC TAN	CTK3	56-57	2	14		65	T-TIN	Vietnamese
19	BUI CONG THANH	P6	93	1	9	9	81	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN MANH HIEN	P6	94-95	2	20	34	81	XAYLAP	Vietnamese
21	TRAN QUOC THINH	P6	90-92	3	15		55	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

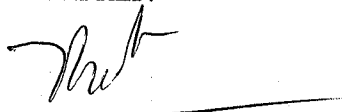
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK20	2	2	14	144	24	2		
2	CTK3	16	18	97	1.067	30	13		
3	P6	3	6	44	217	43	6		
4	TD3	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		21	26	155	1.428	97	22		
WEIGHT KG				155	1.428	97			

GRAND TOAL: 1.680 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/04/2023	TO: BK10 - BK9 - VSP02	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Hạnh - NPhú - QTrưởng	ETA: 14:05
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VIỆT HỒ	BK10	10	1	15		76	DVL	Vietnamese
2	USATENKO DMITRII	BK10	09	1	11		99	DVL	Russian
3	NGUYỄN CHI LINH	BK10	08	1	5		81	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN VŨ QUỐC	BK10	07	1	6		66	DVL	Vietnamese
5	ĐẶNG TRỌNG THỨC	BK10	11	1	11	16	71	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH NGŨ	BK9	29	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ VĂN TIẾN	BK9	28	1	11	30	66	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ THẾ HẬU	BK9					73	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN HỮU TRUNG	BK9	30	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN TRUNG KIẾN	BK9	31-32	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN CÔNG LAM	VSP02	67-68	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN NGỌC TỰ	VSP02	70,74	2	10		84	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN HỒNG ĐỨC	VSP02	71	1	7		56	PSV	Vietnamese
14	HÀN VĂN HIỆU	VSP02	69	1	8		78	PSV	Vietnamese
15	ĐẠU VIỆT BẠC	VSP02	72	1	5		74	PSV	Vietnamese
16	ĐẠU ĐỨC HÙNG	VSP02	66	1	5		70	PSV	Vietnamese
17	BUI THỌ SƠN	VSP02	79	1	6	33	66	BA SON	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TÍNH	VSP02	78	1	5	35	60	BA SON	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN NGHĨA	VSP02	75-76	2	10	5	62	BA SON	Vietnamese
20	LÊ VĂN TOÀN	VSP02	77	1	9		53	BA SON	Vietnamese

FLIGHT PLAN

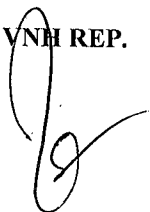
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	5	5	48	393	16	0		
2	BK9	5	5	34	352	30	5		
3	VSP02	10	13	75	673	73	13		
TOTAL		20	23	157	1.418	119	18		
WEIGHT KG				157	1.418	119			

GRAND TOAL: 1.694 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 11:30
FLIGHT: 08	TO: T.UNG	CREW: ĐTrung - MMinh	ETA: 14:40
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUONG CONG DAT	T.UNG	97-98	2	15		68	YTE	Vietnamese
2	NGUYEN DUC BINH	T.UNG	89	1	5		66	PVEP ITC	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC HIEU	T.UNG	93	1	5		70	PVEP ITC	Vietnamese
4	ZELENSKI	T.UNG	95	1	5		80	KH-THAC	Russian
5	TRAN VAN SON	T.UNG					70	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN VIET TUNG	T.UNG					75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TRUNG DUONG	T.UNG	91	1	7	20	68	KH-THAC	Vietnamese
8	VU DUY DUNG	T.UNG	88	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THANH NAM	T.UNG	94	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM VAN THI	T.UNG					70	KH-THAC	Vietnamese
11	TÔ HUNG DUNG	T.UNG	92	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THANH HAI	T.UNG	85	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN QUANG HOA	T.UNG					60	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐANG DINH THANG	T.UNG	87	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM THAI SON	T.UNG	79-80	2	10		65	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYEN HONG DIEP	T.UNG	81-82	2	15		70	CODIEN	Vietnamese
17	HOANG HUU TRONG	T.UNG	83-84	2	15		68	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYEN TRUNG PHONG	T.UNG	86	1	6		66	CODIEN	Vietnamese
19	TÔ CONG MINH	T.UNG	90	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	19	19	121	1.312	20	16		
TOTAL		19	19	121	1.312	20	16		
WEIGHT KG				121	1.312	20			

GRAND TOAL: 1.453 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN





LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/04/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P2+P4+BK3	7:25	9+10+3	0+0+0		11+9+2	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/04/2023	TO: P2 - P4 - TD3	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - NPhú - Huy	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC QUANG	P2	26	1	2	70	71	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P2	23	1	6		62	PSV	Vietnamese
3	PHẠM VĂN HIỆP	P2	24	1	4		80	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HIỆU	P2	25	1	5		50	PSV	Vietnamese
5	PHẠM HỒNG VĂN	P2	21	1	5		71	PSV	Vietnamese
6	BUI LONG HUNG	P2	27	1	5		70	PSV	Vietnamese
7	TRƯƠNG TRỌNG HẠNH	P2	01	1	2		58	PSV	Vietnamese
8	DƯƠNG XUÂN TOÀN	P2	22	1	4		63	PSV	Vietnamese
9	MAI MINH TIẾN	P2	28	1	2		71	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐĂNG NGUYỄN	P4	08	1	4	15	76	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN NGHI	P4	07	1	2		70	PSV	Vietnamese
12	TRẦN THANH LIÊM	P4	10-11	2	8		65	PSV	Vietnamese
13	BUI VĂN MƯỜI	P4	06	1	5		54	PSV	Vietnamese
14	TRẦN VĂN KHÁNH	P4	12	1	5		60	PSV	Vietnamese
15	TRẦN TRUNG KIẾN	P4	04	1	4		66	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN TRUNG THẮNG	P4	05	1	5		81	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐĂNG NHẬN	P4	13	1	5		71	PSV	Vietnamese
18	TRẦN LONG NHẬT	P4	09	1	5		51	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	9	9	35	596	70	11		
2	P4	9	10	43	594	15	10		
3	TD3	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		18	19	78	1.190	85	22		
WEIGHT KG				78	1.190	85			

GRAND TOAL: 1.353 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

